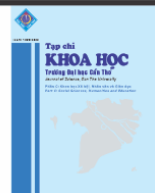




Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
 Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục

website: ctujsvn.ctu.edu.vn



DOI:10.22144/ctu.jvn.2022.027

ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT NỀN NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC HIỆN LUẬN VĂN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Thanh Bình^{1*}, Nguyễn Trần Khánh Minh², Lê Văn Thủy Tiên¹ và Trần Thị Phụng Hà³

¹Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

²Sinh viên ngành Phát triển Nông thôn (Khóa 43), Trường Đại học Cần Thơ

³Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Thanh Bình (email: ntbinh02@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 13/08/2021

Ngày nhận bài sửa: 08/09/2021

Ngày duyệt đăng: 26/02/2022

Title:

Application of grounded theory to study factors influencing thesis writing process at Can Tho University

Từ khóa:

Khoa học xã hội và nhân văn, lý thuyết nền, luận văn tốt nghiệp, sinh viên, Trường Đại học Cần Thơ

Keywords:

Can Tho University, grounded theory, social sciences and humanities, thesis, undergraduate student

ABSTRACT

Improving the quality of theses for undergraduate students in Social Sciences and Humanities is necessary in the context of limited research in these fields at Can Tho University. The grounded theory was applied to study the factors affecting the thesis writing process of students at the Faculty of Social Sciences and Humanities and the Mekong Delta Development Research Institute through a social survey with 20 lecturers and 28 students who have experienced in thesis supervising and implementing from November 2020 to January 2021. The 4S model has been developed which consists of 4 factors influencing thesis writing such as the Student, Supervisor, School and Society. Based on the 4Ss model, the research proposed various solutions to improve the quality of thesis for undergraduate students. Application of grounded theory shows that this is a suitable approach in qualitative research, which can be used for study of emerging issues related to social sciences and humanities at Can Tho University in particular and the Mekong delta in general.

TÓM TẮT

Cải tiến chất lượng luận văn tốt nghiệp (LVTN) cho sinh viên (SV) khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn là cần thiết trong bối cảnh các nghiên cứu về lĩnh vực này còn hạn chế tại Trường Đại học Cần Thơ. Lý thuyết nền được ứng dụng để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện LVTN của SV tại Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn và Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long thông qua khảo sát 20 giảng viên hướng dẫn và 28 SV đã và đang thực hiện LVTN từ tháng 11/2020 đến tháng 01/2021. Kết quả đã xây dựng nên mô hình 4S mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng LVTN bao gồm nhóm các yếu tố liên quan đến bản thân SV (Student), giảng viên hướng dẫn (Supervisor), nhà trường (School) và xã hội (Society). Dựa trên mô hình 4S, một số đề xuất về các nhóm giải pháp để nâng cao chất lượng LVTN cho SV được đưa ra. Việc áp dụng lý thuyết nền cho thấy đây là một cách tiếp cận phù hợp trong nghiên cứu định tính, có thể vận dụng trong nghiên cứu các vấn đề xã hội và nhân văn tại Trường Đại học Cần Thơ nói riêng và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

1. GIỚI THIỆU

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) là một trong những trường đại học có lịch sử lâu đời nhất tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) với hơn 55 năm kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy (Trường ĐHCT, 2021). Tuy nhiên, các ngành đào tạo liên quan đến khoa học xã hội và nhân văn (KHXH-NV) còn tương đối mới tại Trường ĐHCT. Khoa KHXH-NV được thành lập năm 2009 nhằm thúc đẩy nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực xã hội tại ĐBSCL. Hiện Khoa đang đào tạo 4 ngành bậc đại học là Xã hội học, Việt Nam học, Văn học và Thông tin thư viện. Ngoài Khoa KHXH-NV, Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL được thành lập năm 2005 cũng đang đào tạo ngành có liên quan đến KHXH-NV là Phát triển Nông thôn. Chương trình đào tạo các ngành này đều có học phần luận văn tốt nghiệp (LVTN) nhằm giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức, phát triển tư duy để giải quyết một vấn đề nào đó thuộc lĩnh vực chuyên môn (Hiền, 2016) với khối lượng 10/120 tín chỉ đào tạo (www.ctu.edu.vn). Như đã đề cập, đây là một lĩnh vực tương đối mới nên giảng viên hướng dẫn (GVHD) và sinh viên (SV) của Trường gặp không ít khó khăn khi thực hiện LVTN. Không chỉ ở Trường ĐHCT, tiếp cận định tính trong nghiên cứu kinh tế xã hội cũng là những trở ngại cho SV ở các trường tại thành phố Hồ Chí Minh (Khoa & Xuân, 2014; Việt và ctv., 2020). Câu hỏi đặt ra là **“Những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc thực hiện LVTN của sinh viên khối ngành KHXH-NV?”**. Lý thuyết nền (grounded theory) trong nghiên cứu định tính (Corbin & Strauss, 1990; Charmaz, 2006; Creswell, 2013) được áp dụng trong bài viết để trả lời cho câu hỏi trên, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng LVTN. Bên cạnh đó, nghiên cứu này còn có mục đích cung cấp một ví dụ điển hình về áp dụng cách tiếp cận định tính trong nghiên cứu xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu và đào tạo của Trường nói riêng và ĐBSCL nói chung trong lĩnh vực KHXH-NV còn khá mới mẻ tại đây.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tiếp cận định tính theo lý thuyết nền

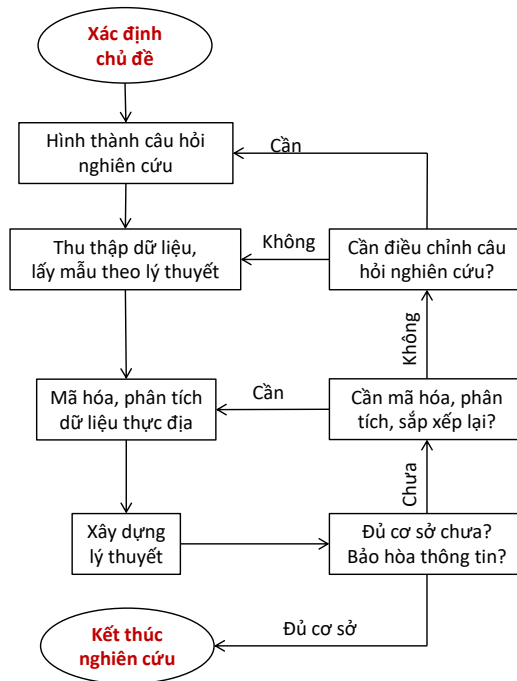
Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận định tính. Khác với phương pháp định lượng thường dựa vào một lý thuyết sẵn có và nhà nghiên cứu sử dụng lý thuyết đó để kiểm chứng nên còn gọi là phương pháp suy diễn. Trong nghiên cứu định tính, nhà nghiên cứu thường sử dụng phương pháp quy nạp: từ việc nghiên cứu các đối tượng riêng lẻ, họ “xây dựng” nên lý thuyết hay mô hình mới để giải thích

hiện tượng xã hội mà họ quan sát. Lý thuyết nền (grounded theory) là một trong những phương pháp tiếp cận như thế (Corbin & Strauss, 1990). Bitsch (2005) và Creswell (2013) cho rằng lý thuyết nền lần đầu tiên được đề xuất bởi hai nhà xã hội học là Glaser và Strauss trong tác phẩm “Khám phá lý thuyết nền – chiến lược trong nghiên cứu định tính” xuất bản năm 1967 (tên tiếng Anh là *The discovery of grounded theory – strategies for qualitative research*). Sau đó nhiều tác giả sử dụng, bổ sung và hoàn thiện cách tiếp cận này như Corbin and Strauss (1990), Britsch (2005), Charmaz (2006 và 2012), Creswell (2013) hay Tie et al. (2019). Theo đó, lý thuyết nền là một phương pháp định tính dùng để xây dựng một lý thuyết hoặc một khung phân tích cho các nghiên cứu tiếp theo, kết quả này đạt được nhờ một tiến trình làm việc và tương tác liên tục với nhiều người am hiểu hiện tượng đang nghiên cứu (Britsch, 2005; Creswell, 2013). Điều đó cho thấy lý thuyết được khám phá trong quá trình thực hiện, được phát triển dựa vào dữ liệu thực tế, nên còn được dịch là lý thuyết nổi lên từ dữ liệu nghiên cứu (Việt và ctv., 2020).

Tiến trình nghiên cứu theo lý thuyết nền gồm nhiều bước và được mô tả như sơ đồ Hình 1. Cũng như mọi nghiên cứu, tiến trình được bắt đầu bằng xác định chủ đề và hình thành câu hỏi nghiên cứu. Việc này có thể rút ra từ lược khảo tài liệu nhưng đây không phải là yếu tố then chốt trong tiếp cận theo lý thuyết nền. Thay vào đó, kinh nghiệm cá nhân hay của nhóm nghiên cứu về hiện tượng quan sát và khả năng nhận ra các tác nhân liên quan để giải thích hiện tượng mới là vấn đề quan trọng để dẫn dắt tiến trình mang tính khám phá và đòi hỏi tư duy phản biện cao từ khi bắt đầu đến kết thúc nghiên cứu (Bitsch, 2005). Bước kế tiếp là chọn mẫu và thu thập dữ liệu. Điểm khác biệt trong việc chọn mẫu nghiên cứu của lý thuyết nền để thu thập dữ liệu là lấy mẫu theo lý thuyết (theoretical sampling) hay lấy mẫu phi xác suất. Nghĩa là việc chọn mẫu quan sát hay đối tượng phỏng vấn không thể xác định trước một cách “cứng nhắc” mà rất “linh hoạt” dựa vào tình huống thực tế và theo phán đoán của nhà nghiên cứu sao cho dữ liệu thu thập phản ánh được bản chất vấn đề nghiên cứu (Corbin & Strauss, 1990; Charmaz, 2006). Sau khi thu thập dữ liệu, giai đoạn tiếp theo là mã hóa và phân tích. Theo Britsch (2005), việc mã hóa và phân tích dữ liệu thực địa áp dụng phương pháp so sánh liên tục (constant comparison), tức là sau mỗi phỏng vấn hay quan sát thì dữ liệu phải được mã hóa, so sánh để nhận ra điểm tương đồng (commonalities) và sự khác biệt (differences). Bằng phương pháp này, dữ liệu sẽ

được phân loại và sắp xếp theo các nhóm (categories) hoặc các phân nhóm (sub-categories) để thấy được mối tương quan giữa chúng nhằm lý giải hiện tượng đang nghiên cứu một cách hợp lý nhất, từ đó lý thuyết sẽ được hình thành. Tiến trình này chỉ kết thúc khi dữ liệu và thông tin được bão hòa, việc thu thập và phân tích thêm dữ liệu sẽ không phát sinh những ý tưởng mới nữa (Corbin & Strauss, 1990). Nếu thông tin chưa bão hòa thì quay lại bước thu thập và phân tích dữ liệu, thậm chí điều chỉnh

câu hỏi nghiên cứu cho phù hợp với bối cảnh thực tế. Theo mô tả của Creswell (2013), tiến trình nghiên cứu theo lý thuyết nền là một đường zigzag: đi thu thập thông tin thực địa, về phân tích, rồi lại xuống thực địa thu thập tiếp, quay về phân tích và tiếp tục như thế đến khi đủ cơ sở để xây dựng lý thuyết (Hình 1). Như vậy, đây là một tiến trình nghiên cứu mở, thời gian nghiên cứu và kích cỡ mẫu phụ thuộc vào trạng thái bão hòa thông tin.



Hình 1. Tiến trình nghiên cứu “zigzag” của lý thuyết nền

(Dựa vào Britsch, 2005; Creswell, 2013)

2.2. Các bước áp dụng lý thuyết nền

Trên cơ sở tiếp cận định tính theo lý thuyết nền, để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu “*Những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc thực hiện LVTN của sinh viên khối ngành KHXH-NV?*” tiến trình nghiên cứu được tóm tắt các bước như sau:

Lược khảo tài liệu có liên quan về chương trình đào tạo các ngành KHXH-NV, quy chế học vụ của Trường và các quy định có liên quan về thực hiện LVTN của SV tại Khoa KHXH-NV và Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL. Ngoài ra, các bài báo khoa học, tài liệu liên quan đến thực hiện LVTN cũng được lược khảo để biết tổng quan về những yếu tố có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện LVTN nói chung và của ngành KHXH-NV nói riêng như Khoa và Xuân (2014); Hiền (2016); Việt và ctv. (2020). Kết quả lược khảo cho thấy sinh viên làm LVTN còn

yếu về phương pháp nghiên cứu định tính. Các phần mềm hỗ trợ phân tích định tính có bản quyền và giá thành cao nên khó tiếp cận.

Lập kế hoạch phỏng vấn bao gồm xác định đối tượng phỏng vấn (Lãnh đạo Khoa, Viện, Bộ môn, giảng viên hướng dẫn, sinh viên đã và đang làm LVTN); soạn bản hỏi bán cấu trúc với các nội dung chính như thông tin đáp viên, tiến trình thực hiện LVTN, khó khăn, trở ngại và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng LVTN sinh viên khối ngành KHXH-NV; liên hệ và sắp xếp lịch phỏng vấn.

Tiến hành phỏng vấn với các đáp viên, để đảm bảo trạng thái “bão hòa thông tin” nghiên cứu được thực hiện thông qua 3 đợt khảo sát từ tháng 11/2020 đến tháng 01/2021. Sau mỗi đợt, các thông tin và dữ liệu thu thập về được phân tích ngay để định hướng khai thác thông tin cho đợt kế tiếp như tiến trình

zigzag đã mô tả ở Hình 1. Đến đợt khảo sát thứ ba, các thông tin thu thập không có gì mới nên trạng thái bão hòa thông tin được xác định. Tổng cộng đã phỏng vấn 20 thầy cô giáo và 28 SV đã và đang thực hiện LVTN. Trong số 20 thầy cô giáo có 75% nam và 25% nữ; 70% học vị tiến sĩ và 30% học vị thạc sĩ; số năm làm việc trung bình tại ĐHCCT là 22 năm; kinh nghiệm hướng dẫn LVTN là 13 năm; và hàng năm mỗi thầy cô hướng dẫn bình quân 7 SV. Trong 28 SV phỏng vấn, có 43% nam và 57% nữ; 39% đã báo cáo LVTN (Khóa 41, 42 và 43) và 61% đang thực hiện LVTN (Khóa 44).

Phân tích dữ liệu và tổng hợp kết quả được thực hiện qua từng đợt khảo sát. Trước tiên, các nội dung phỏng vấn được văn bản hóa dưới hình thức thông tin “thô” nhưng không bỏ sót nội dung và lưu dạng văn bản (word). Tiếp theo là mã hóa dữ liệu, nhóm các thông tin lại, đối chiếu, so sánh liên tục để xác định điểm bão hòa thông tin và xây dựng nên mô hình lý thuyết từ dữ liệu nền. Nghiên cứu có sử dụng phần mềm chuyên dụng để hỗ trợ phân tích định tính bằng phần mềm Nvivo (QSR International, 2014)

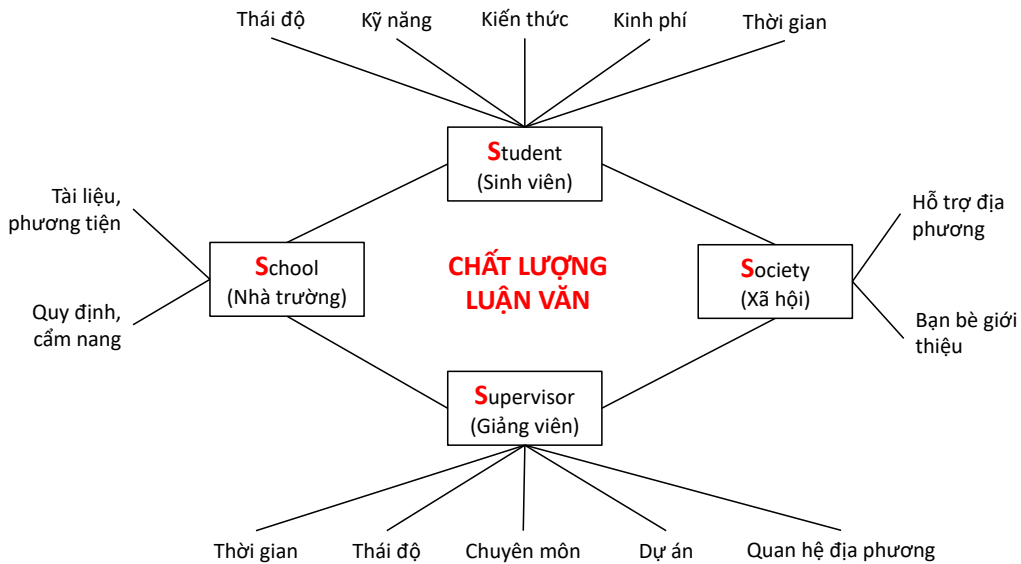
nhưng chỉ sử dụng được bản dùng thử 14 ngày (trial) nên sau đó tiếp tục xử lý thủ công.

Kết thúc nghiên cứu bằng việc xây dựng được mô hình 4S để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện LVTN của SV khối ngành KHXXH-NV là Student (sinh viên), Supervisor (giảng viên hướng dẫn), School (đơn vị đào tạo) và Society (xã hội), thỏa mãn câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn

Kết quả áp dụng lý thuyết nền nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng LVTN của SV khối ngành KHXXH-NV tại Trường ĐHCCT được tổng hợp và trình bày thông qua mô hình 4S như mô tả ở Hình 2. Theo đó, có bốn nhóm yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn bao gồm sinh viên (Student), giảng viên hướng dẫn (Supervisor), nhà trường (School) và xã hội (Society). Các yếu tố này sẽ được phân tích cụ thể như dưới đây:



Hình 2. Mô hình 4S mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng luận văn

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu thực địa theo lý thuyết nền)

3.1.1. Yếu tố liên quan đến sinh viên (Student)

Kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn lực kinh phí và quản lý thời gian làm LVTN của sinh viên là các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng luận văn. Theo quy định của đơn vị đào tạo, SV phải tích lũy đủ kiến thức tối thiểu mới được làm LVTN. Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn GV cho thấy còn nhiều SV đạt tiêu chuẩn nhưng vẫn thiếu kiến thức nền, chưa

thông hiểu vấn đề, còn mơ hồ khi lựa chọn đề tài nghiên cứu dẫn đến chất lượng kém. Bên cạnh kiến thức thì kỹ năng cũng rất quan trọng. Các kỹ năng SV còn yếu được GV và SV đề cập đến bao gồm nhóm kỹ năng “cứng” như viết đề cương, kỹ năng đọc tài liệu, kỹ năng viết lược khảo tài liệu, kỹ năng soạn bản hỏi phỏng vấn, kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng phân tích số liệu và sử dụng phần mềm thống kê (kể cả định tính và định lượng), kỹ năng tổng hợp

và trình bày kết quả, kỹ năng thảo luận kết quả, thiếu gắn kết giữa các phần trong luận văn, viết tài liệu tham khảo không đúng quy định; và các kỹ năng “mềm” như sai lỗi chính tả, sai lỗi định dạng, yếu kỹ năng tin học để xử lý văn bản, yếu kỹ năng thuyết trình, và đặc biệt là kỹ năng đọc tài liệu bằng tiếng Anh (Hộp Thông tin 1). Về thái độ, giảng viên cho rằng không ít SV chưa chủ động liên hệ cán bộ hướng dẫn trong quá trình thực hiện để giải đáp kịp thời những vướng mắc, những vấn đề mà SV chưa hiểu; SV không nhiệt tình, nhiều SV thường thụ động chờ GVHD nhắc nhở; hay SV không tuân thủ kế hoạch làm LVTN. Ở khía cạnh đạo đức nghiên cứu, SV không siêng năng đọc tài liệu mà sao chép thông tin từ các LVTN cũ; một số luận văn đạo văn, sao chép thông tin trên mạng, thậm chí không trung thực trong thu thập và phân tích thông tin và số liệu của luận văn. Vấn đề kinh phí cũng ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện LVTN, phần lớn SV phải tự chủ

tài chính; Khoa/Viện không có kinh phí để hỗ trợ, một ít SV gắn kết với GVHD trong các đề tài nghiên cứu khoa học (của cán bộ hay đề tài SV) thì thuận lợi hơn. Ngoài ra, người hướng dẫn không được hỗ trợ kinh phí đi thực tế, đi kiểm tra đề tài của SV cũng là một yếu tố ảnh hưởng chất lượng LVTN của SV. Cuối cùng là vấn đề quản lý thời gian, SV thường không biết quản lý quỹ thời gian; phân bố thời gian không hợp lý, ban đầu quá chậm, đợi “nước tới chân mới nhảy”; SV thường không liên hệ hướng dẫn làm sớm, mà đợi đến gần cuối kỳ báo cáo mới làm nên chất lượng không tốt; giai đoạn làm luận văn, SV thường đi làm thêm nên chưa đầu tư nhiều thời gian vào luận văn; một số SV rút ngắn thời gian học tập nên vừa học trên lớp các môn học, vừa làm LV dẫn đến không có thời gian để đầu tư nhiều, làm theo kiểu “cho xong” nên luận văn khó đạt chất lượng cao.

Hộp Thông tin 1: Chia sẻ của GV về những kỹ năng sinh viên còn yếu khi thực hiện LVTN

Nói về **nhóm kỹ năng cứng** như cách viết đề cương, có ý kiến cho rằng “đa số sinh viên yếu về lý thuyết cơ bản để xây dựng một đề cương nghiên cứu” hay “thiếu chủ động của người học về chuẩn bị các ý tưởng nghiên cứu và phương pháp thực hiện” dẫn đến chất lượng đề cương kém. Còn kỹ năng viết lược khảo tài liệu thì “SV rất yếu về lược khảo tài liệu, lược khảo không vào trọng tâm, không chú ý trích dẫn”, hay “SV ít tham khảo tài liệu, đặc biệt là các tài liệu có giá trị, phần lớn chỉ lên mạng để tìm tài liệu” dẫn đến lược khảo dài dòng nhưng không đạt yêu cầu. Về phương pháp nghiên cứu thì “nhiều SV chưa nắm được phương pháp nghiên cứu; chưa nắm vững các phương pháp thu thập thông tin, phương pháp/công cụ ứng dụng trong phân tích nhằm đáp ứng từng nội dung nghiên cứu của LVTN; từ chủ đề nghiên cứu SV thường gặp khó trong việc xác định nội dung nghiên cứu để đáp ứng mục tiêu, và từ nội dung SV gặp khó khăn trong việc lựa chọn khái niệm tiếp cận và thao tác hóa khái niệm thành các câu hỏi thu thập thông tin để bảng câu hỏi trả lời được các nội dung thu thập” hay “sinh viên KHXH-NV khả năng nghiên cứu định lượng còn chưa đồng đều”. Kỹ năng phân tích số liệu cũng hạn chế như “SV không nắm vững việc mã hóa để nhập số liệu, cũng như chưa biết chạy các mô hình thống kê cơ bản”, thậm chí có giảng viên cho rằng “SV không biết và không hiểu về phương pháp thống kê nên GV phải giảng dạy lại mới thực hiện được”. Nhận xét về kỹ năng trình bày và thảo luận kết quả trong LVTN của SV, có ý kiến cho rằng “khả năng tư duy, thảo luận dựa trên kết quả phân tích còn hạn chế; SV không biết liên hệ kết quả (thường sắp xếp ở Chương 4) với lược khảo tài liệu từ chương trước (thường là Chương 2)” hay “SV hạn chế trong năng lực đọc, hiểu, phân tích, tổng hợp số liệu và năng lực viết, hậu quả là sinh viên trình bày được kết quả nghiên cứu nhưng thiếu thảo luận, so sánh với các công trình nghiên cứu trước và với thực tế, sinh viên chưa nêu lên được ý nghĩa của kết quả nghiên cứu cho từng tình huống có thể xảy ra trong thực tế”. Kết luận và đề xuất thì “không bám sát vào mục tiêu nghiên cứu, không dựa vào kết quả đề tài mà theo ý chủ quan của tác giả; kết luận mà còn diễn giải dài dòng”. Việc viết tài liệu tham khảo thì “SV chưa thực hiện theo qui ước tham khảo; không biết sắp xếp mục tài liệu tham khảo theo qui chuẩn (APA style); các tác giả có đề cập trong LVTN nhưng không ghi vào mục tài liệu tham khảo và ngược lại, dẫn đến trường hợp vừa thiếu vừa thừa”.

Về **nhóm kỹ năng mềm** khi viết LVTN sinh viên thường gặp phải là “sai chính tả rất nhiều; kỹ năng tin học còn yếu dẫn đến nhiều lỗi đánh máy, lỗi định dạng trang lề, định dạng bảng biểu; văn phong không phù hợp, còn sử dụng văn nói, lỗi câu từ quá dài hoặc rời rạc, không trọn ý”. Ngoài ra, một lỗi SV rất thường mắc phải là “sử dụng lẫn lộn dấu chấm và dấu phẩy trong các con số thập phân, đúng ra phải ghi là 0,05 thì ghi là 0.05”.

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn giảng viên, 2020)

3.1.2. Yếu tố liên quan đến giảng viên hướng dẫn (Supervisor)

Phần lớn SV đánh giá cao sự nhiệt tình và chuyên môn của GVHD. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, các yếu tố từ GVHD cũng có thể ảnh hưởng đến chất lượng LVTN của SV như thời gian dành cho SV, thái độ của GVHD, kiến thức chuyên môn của GVHD về lĩnh vực nghiên cứu của SV, dự án/đề tài nghiên cứu khoa học GVHD đang thực hiện để gắn kết với LVTN, và mối quan hệ của GVHD với cán bộ địa phương nơi SV làm nghiên cứu. Thật vậy, ý kiến của đáp viên cho rằng GVHD bận nhiều công việc và phải hướng dẫn nhiều SV cùng lúc nên thiếu thời gian để hỗ trợ SV, không theo sát và không sửa hết cho SV. Cũng có những trường hợp SV phản ánh là GVHD chưa nhiệt tình, thiếu trách nhiệm, không hỗ trợ SV nối kết và thực hiện các hoạt động nghiên cứu ở thực địa. Thông thường chủ đề nghiên cứu của SV gắn với chuyên môn của GVHD nhưng trong thực tế vẫn có những trường hợp GVHD nhận hướng dẫn những đề tài không thuộc lĩnh vực chuyên môn nên ảnh hưởng đến chất lượng LVTN. Những GVHD có nhiều đề tài, dự án đang triển khai mà SV được kết hợp để làm LVTN thì rất thuận lợi, ngược lại nếu SV tự túc thì tiến độ và chất lượng LVTN có thể bị ảnh hưởng. Tương tự, nếu GVHD có mối quan hệ tốt với địa phương nơi triển khai nghiên cứu thì SV cũng nhận được sự hỗ trợ tốt hơn như có SV chia sẻ “đôi khi chỉ cần Thầy alo một tiếng là địa phương giúp đỡ nhiệt tình”.

3.1.3. Yếu tố liên quan đến nhà trường (School)

Các yếu tố liên quan đến nhà trường có thể ảnh hưởng đến chất lượng LVTN bao gồm sự sẵn có của các tài liệu, phương tiện hỗ trợ và các quy định, cẩm nang thực hiện LVTN. Mặc dù Trường, Khoa, Viện đã đầu tư, trang bị nhiều tài liệu tham khảo cho SV học tập và nghiên cứu nhưng một số chủ đề tài liệu tiếng Việt còn ít, nhất là trong lĩnh vực KHXH-NV, trong khi khả năng đọc tài liệu bằng tiếng Anh của SV còn nhiều hạn chế nên cần thiết Việt hóa các tài liệu. Về phương tiện hỗ trợ, SV cần các công cụ phân tích định tính trong nghiên cứu xã hội (như NVivo, Mindmap, v.v) thì không tiếp cận được vì không có bản quyền truy cập, giá mua rất cao nên SV không có khả năng. Bên cạnh đó là các thủ tục, quy định, cẩm nang viết luận văn và kế hoạch thực hiện LVTN đôi khi chưa rõ ràng, thay đổi thường xuyên, GVHD chưa cập nhật, cũng gây trở ngại trong tiến trình làm LVTN. Ngoài ra, việc sắp xếp hội đồng chấm LVTN chưa phù hợp với chuyên môn, ý kiến khác biệt giữa GVHD với các thành

viên hội đồng hay giữa các thành viên hội đồng cũng được các đáp viên đề cập như là các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng LVTN. Do đó, việc xây dựng một cẩm nang hoàn thiện, quy định và quy trình rõ ràng để SV, GVHD và hội đồng chấm LVTN thực hiện là cần thiết.

3.1.4. Yếu tố liên quan đến xã hội (Society)

Sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương nơi SV thực hiện LVTN và bạn bè, anh chị SV khóa trước cũng là những yếu tố xã hội ảnh hưởng đến tiến trình làm LVTN. Thông thường, SV khối ngành KHXH-NV phải thu thập số liệu thực địa tại địa phương thông qua các cuộc thảo luận nhóm, phỏng vấn chuyên gia, phỏng vấn sâu một cá nhân nào đó và/hay điều tra xã hội học bằng bản hỏi soạn sẵn. Việc làm này phải có sự cho phép và hỗ trợ của chính quyền địa phương. Phần lớn các địa phương sẵn sàng giúp đỡ SV. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều trường hợp SV gặp khó khăn khi triển khai đề tài, nhất là tự đi một mình với giấy giới thiệu của Khoa/Viện mà không có GVHD đi cùng. Một số SV cho rằng khi đến địa bàn nghiên cứu nhờ sự hỗ trợ thì những người địa phương trả lời bận việc, không hướng dẫn được nên SV gặp khó khăn khi đi điều tra, thu thập số liệu sơ cấp. Ở một góc độ khác, việc chia sẻ các báo cáo, số liệu thứ cấp, số liệu thống kê cũng tùy thuộc vào từng địa phương, có nơi sẵn sàng nhưng có nơi rất khó. Bạn bè và anh chị SV khóa trước cũng có tác động đến việc thực hiện LVTN thông qua việc chọn GVHD, chủ đề nghiên cứu và địa bàn nghiên cứu. SV có khuynh hướng làm đề tài theo nhóm (bạn bè trong lớp) và chọn GVHD nhiệt tình, dễ tính, có sẵn đề tài để thuận tiện trong việc thu thập số liệu và chia sẻ kinh phí thực địa.

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng luận văn

Dựa vào mô hình 4S như phân tích ở trên và các ý kiến của đáp viên (Lãnh đạo đơn vị, GVHD và SV), một số giải pháp và đề xuất góp phần nâng cao chất lượng LVTN khối ngành KHXH-NV của Trường ĐHTC được tổng hợp như sau:

Đối với đơn vị đào tạo (Trường, Khoa/Viện, Bộ môn): Rèn luyện kỹ năng cho SV từ khi còn học các học phần cơ bản, nhất là các học phần có liên quan đến LVTN như phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp phân tích số liệu và thống kê ứng dụng. Giới hạn số lượng SV làm LVTN, chỉ nên lựa chọn những SV có đủ kiến thức, kỹ năng và đam mê nghiên cứu (hiện tại quy định SV ngành Xã hội học có điểm trung bình tích lũy từ 3,2 trở lên mới được làm LVTN còn ngành Phát triển nông thôn thì không có quy định này mà chỉ quy định về số lượng tín chỉ tối thiểu phải đạt). Đầu mỗi học kỳ, GVHD và Bộ

môn nên cung cấp chủ đề nghiên cứu để SV biết và chủ động lựa chọn đề tài mong muốn; đề tài nên mở rộng, đa dạng và cho phép mời các giảng viên từ đơn vị khác hướng dẫn; có seminar hay buổi trao đổi định hướng và phương pháp thực hiện luận văn để SV nắm trước khi quyết định làm; cần phân nhóm về lĩnh vực nghiên cứu cho SV, cần tập trung SV để truyền đạt những nội dung cần thiết cũng như cập nhật những cải tiến mới nhất trước khi SV làm luận văn; có kế hoạch thực hiện cho mỗi học kỳ và tránh những thay đổi bất ngờ làm SV xoay trở không kịp; có quy định quota số lượng LVTN của mỗi GVHD (hiện tại Trường chưa có quy định cụ thể, tùy đơn vị đào tạo sắp xếp) và quy định về chuyên môn của GVHD với chủ đề LVTN phải phù hợp. Trong quá trình thực hiện, có thể thành lập hội đồng kiểm tra tiến độ LVTN theo thời gian của học kỳ, hay có sự phối hợp quản lý giữa Bộ môn và GVHD để SV nghiên cứu nghiêm túc và luận văn có chất lượng; Khoa/Viện có thể thành lập trung tâm hỗ trợ học thuật về nghiên cứu khoa học để các em được hỗ trợ khi cần. Giai đoạn đánh giá luận văn, Bộ môn sắp Hội đồng chấm LVTN phải đúng chuyên ngành; đánh giá luận văn cần công tâm, khách quan, tiêu chí rõ ràng; có khen thưởng cho SV đạt kết quả nghiên cứu tốt; có phần mềm kiểm tra đạo văn; khuyến khích SV và GVHD công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí phù hợp. Ngoài ra, đơn vị đào tạo cần tạo điều kiện để SV có thể tiếp cận các công cụ phân tích dữ liệu có bản quyền (như Nvivo), các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Việt, hỗ trợ kinh phí trường hợp SV gặp khó khăn, và hoàn thiện cảm nang hướng dẫn SV làm LVTN khối ngành KHXH-NV.

Đối với GVHD: Trước khi bắt đầu, GVHD nên có một buổi “ôn tập” sinh hoạt cho các SV một cách tổng quan về quy định, quy chế, kế hoạch thực hiện, phương pháp viết đề cương, phương pháp nghiên cứu khoa học và ứng dụng thực tế vào đề tài LVTN. Giảng viên phải có trách nhiệm với sinh viên, dành nhiều thời gian hơn cho SV, định kỳ kiểm tra, trao đổi, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, khó khăn của SV trong quá trình thực hiện để đạt chất lượng và đúng tiến độ; đọc và chỉnh sửa cụ thể các phần của LVTN, tránh đọc qua loa cho qua để hội đồng góp ý, chỉnh sửa sau. GVHD cũng cần cập nhật kiến thức chuyên môn (nhất là lĩnh vực liên quan khối ngành KHXH-NV), nâng cao khả năng nghiên cứu thông qua tham gia các đề tài, dự án; lồng ghép các hoạt động nghiên cứu của GVHD vào LVTN; trong trường hợp nội dung nghiên cứu của LV không khớp với chuyên môn thì GVHD mạnh dạn giới thiệu SV đến người khác phù hợp hơn.

Đối với SV: Sinh viên phải có bước chuẩn bị tốt trước khi thực hiện LVTN, cần nắm rõ quy định về thực hiện LVTN; chuẩn bị đủ kiến thức, siêng năng tìm và đọc tài liệu trước khi thực hiện đề tài; học tốt (ôn lại) các học phần về phương pháp nghiên cứu khoa học, phân tích số liệu, thống kê ứng dụng để vững về phương pháp; rèn luyện các kỹ năng cần thiết, kể cả kỹ năng cứng và kỹ năng mềm (xem Hộp Thông tin 1) để nâng cao chất lượng LVTN. Trong quá trình thực hiện LVTN phải thường xuyên trao đổi, liên lạc với GVHD để báo cáo tiến độ, trình bày những khó khăn trở ngại để có hướng giải quyết kịp thời. SV cũng phải biết bố trí thời gian phù hợp, tránh vừa học vừa làm đề tài, hạn chế đi làm thêm mà bỏ bê việc thực hiện LVTN. SV cần đọc kỹ và làm theo cảm nang, hướng dẫn trình bày LVTN của đơn vị đào tạo. Cuối cùng, SV nên chuẩn bị và dự trù kinh phí để quá trình thu thập số liệu thực địa được thuận lợi.

3.3. Nhận xét về khả năng ứng dụng lý thuyết nền

Lý thuyết nền (grounded theory) là một cách tiếp cận định tính, mang tính độc lập và đã được nhiều nhà xã hội học trên thế giới phát triển dựa trên đề xuất ban đầu của Glaser và Strauss năm 1967 (Corbin & Strauss, 1990; Britsch, 2005; Charmaz, 2006; Creswell, 2013; Tie et al., 2019) nên trở thành một phương pháp “quy chuẩn” trong nghiên cứu xã hội và nhân văn. Tuy nhiên, áp dụng lý thuyết nền trong nghiên cứu thực tiễn ở Việt Nam nói chung và tại Trường ĐHTC nói riêng còn rất ít (Khoa & Xuân, 2014; Việt và ctv., 2020). Thật vậy, sử dụng công cụ tìm kiếm trên website Tạp chí Khoa học Trường ĐHTC ngày 10/8/2021 với từ khóa “grounded theory” kết quả chỉ có 2 bài báo và từ khóa “lý thuyết nền” chỉ có 1 bài báo. Do đó, nghiên cứu này là một ví dụ minh họa hữu ích về ứng dụng lý thuyết nền trong nghiên cứu xã hội học tại Trường ĐHTC. Ưu điểm nổi bật của cách tiếp cận này là giúp nhà nghiên cứu “khám phá” các hiện tượng phức tạp của xã hội và xây dựng thành một lý thuyết hay mô hình để giải thích hiện tượng đó một cách logic từ những trải nghiệm bản thân, quan sát thực tế và tổng hợp từ các thông tin và dữ liệu thu thập được trong suốt tiến trình nghiên cứu. Tiếp theo, lý thuyết nền không đặt nặng số lượng mẫu nghiên cứu, không cần kỹ thuật thống kê phức tạp nhưng cần chọn đúng đối tượng phỏng vấn và xác định được mức bão hòa thông tin. Do đó, để thực hiện tốt cách tiếp cận này đòi hỏi nhà nghiên cứu phải có kỹ năng quan sát, kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng phân tích, so sánh và tổng hợp. Thông thường, thông tin và dữ liệu thu thập được khá lớn nên cần sự hỗ trợ

của phần mềm chuyên dụng xử lý dữ liệu phân tích định tính. Phần mềm được xem là hữu dụng nhất hiện nay là Nvivo (Hilal & Alabri, 2013; QSR International, 2014). Tuy nhiên, để sử dụng được thì cần phải mua bản quyền với chi phí khá đắt, khoảng 1.847 USD cho gói cá nhân dùng trong một năm (Việt và ctv., 2020). Thế nên, ngoài việc thúc đẩy nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên sử dụng lý thuyết nền thì việc đầu tư mua bản quyền phần mềm NVivo là cần thiết.

4. KẾT LUẬN

Áp dụng cách tiếp cận lý thuyết nền, mô hình 4S được xây dựng để nhận ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện LVTN của SV khối ngành KHXX-NV tại Trường ĐHTC. Kết quả cho thấy có 4 nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến chất lượng LVTN bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn lực kinh phí và quản lý thời gian của sinh viên (Student); thời gian dành cho sinh viên, thái độ của GVHD, trình độ chuyên môn của GVHD liên quan đến LVTN, dự án/dề tài nghiên cứu của giảng viên và mối quan hệ của GVHD với địa phương nơi thực hiện LVTN (Supervisor); tài liệu, phương tiện học tập, quy định và cảm năng hướng dẫn LVTN của đơn vị đào tạo

(School); và các yếu tố liên quan đến hỗ trợ của địa phương, ảnh hưởng của bạn bè cùng lớp hay anh chị khóa trước đến việc chọn đề tài và chọn GVHD (Society). Để nâng cao chất lượng LVTN thì đơn vị đào tạo, GVHV và SV cần quan tâm đến các yếu tố vừa nêu trong mô hình 4S. Kết quả nghiên cứu không chỉ giúp nhà trường nâng cao chất lượng LVTN mà còn bổ sung thêm một phương pháp tiếp cận tương đối mới cho giảng viên và sinh viên ứng dụng lý thuyết nền trong nghiên cứu các vấn đề xã hội ở ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ đề tài cấp Trường (Mã số: T2020-103) do Trường Đại học Cần Thơ cấp kinh phí. Xin chân thành cảm ơn đến Phòng Quản lý Khoa học, Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, và Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn của Trường đã hỗ trợ tích cực trong quá trình thực hiện đề tài. Lời cảm ơn cũng được trân trọng gửi đến quý GV và SV đã tham gia, cung cấp và chia sẻ nhiều thông tin hữu ích để có được kết quả này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bitsch, V. (2005). Qualitative research: A grounded theory example and evaluation criteria. *Journal of Agribusiness*, 23(1), 75-91
- Việt, C. Q., Châm, N. T. B., & Ánh, B. N. H. (2020). Áp dụng nghiên cứu định tính cho các nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị - Lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn. *Tạp chí Khoa học Yersin – Chuyên đề Quản lý Kinh tế*, 8, 3-10.
- Charmaz, K. (2006). *Counstructing grounded theory – A practical guide through qualitative analysis*. SAGE Publications.
- Charmaz, K. (2012). The power and potential of grounded theory. *A Journal of the BSA MedSoc Group, Medical Sociology online*, 6(3) October 2012, 2-15.
- Corbin, J., & Strauss, A. (1990). Grounded theory research: procedures, canons, and evaluative criteria. *Qualitative Sociology*, 13(1), 3-21. <https://doi.org/10.1007/BF00988593>
- Creswell J.W. (2013). *Qualitative inquiry and research design – Choosing among five approaches*. SAGE Publications.
- Hilal A.H., & Alabri S.S. (2013). Using Nvivo for data analysis in qualitative research. *International Interdisciplinary Journal of Education*, 2(2), 181-186. <https://doi.org/10.12816/0002914>
- Hiền, P. T. (2016). *Để hoàn thành tốt luận văn ngành luật*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- QSR International. (2014). Nvivo 10 for windows. Getting started. *QSR International Pty Ltd*. ABN 47 006 357 213.
- Tie, Y.C., Birks, M., & Francis, K. (2019). Grounded theory research: A design framework for novice researchers. *SAGE Open Medicine*, 7, 1-8. <https://doi.org/10.1177/2050312118822927>
- Khoa, T. T., & Xuân, L. T. T. (2014). Luận văn tốt nghiệp đại học ngành quản trị - cách tiếp cận từ phương pháp định tính. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh*, 9(1), 39-47.
- Trường ĐHTC (2021). *Trường Đại học Cần Thơ: Dấu ấn 55 năm*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.